

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18-9-2024
V/v tranh chấp về ly hôn,
tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Hoàng Thị Phụng.
- Ông Vũ Tiến Thịnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Quỳnh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Lại Văn Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2024 về “*Tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29/8/2024 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị N**, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Số nhà A, đường D T, phố N, tổ B phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh **Phạm Trung K**, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: Số nhà A, ngõ H, đường L, tổ B, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Các đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/5/2024, trong quá trình giải quyết vụ nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Trung K tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 26/10/2007 tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng có nhiều quan điểm không đồng nhất, vợ chồng không thể trao đổi bàn bạc dẫn đến cuộc sống không có hạnh phúc. Hai vợ chồng đã cố gắng hoà giải khắc phục nhưng không được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Trung K. Về con chung: Chị và anh K có 03 con chung là Phạm Bảo C, sinh ngày 07/8/2009; Phạm Gia H, sinh ngày 11/04/2014 và Phạm Tuấn K1, sinh ngày 16/01/2018. Ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi cả ba con nhưng do anh K đề nghị được nuôi con Phạm Tuấn K1 nên chị đồng ý để anh K trực tiếp nuôi con Phạm Tuấn K1, chị trực tiếp nuôi hai con Phạm Bảo C và Phạm Gia H, chị yêu cầu anh K góp cấp dưỡng nuôi con Phạm Gia H 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 9 năm 2024 đến khi con Phạm Gia H đủ 18 tuổi. Hiện nay chị và anh K đều có công việc và thu nhập ổn định đều có đủ điều kiện để nuôi con. Về tài sản chung: vợ chồng chị tự chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh chị không đi vay chung và không cho ai vay chung tài sản gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn anh Phạm Trung K** đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, anh K có nộp 01 Đơn xin nuôi con Phạm Tuấn K1.

*** Bà Phan Thị Bích L- mẹ đẻ anh K trình bày:** Về thời gian, điều kiện kết hôn và quá trình mâu thuẫn như chị N trình bày. Vợ chồng chung sống hoà thuận thỉnh thoảng có mâu thuẫn nhỏ. Đến tháng 01/2024 chị N và 03 con thuê nhà ra ở riêng không sống cùng anh K nữa, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Chị N có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải cho vợ chồng về đoàn tụ với nhau. Chị N và anh K có 03 con chung như chị N trình bày. Về việc nuôi con đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh K, chị N. Anh K, chị N đều có đủ điều kiện nuôi con. Về tài sản: Anh K, chị N tự thoả thuận chia tài sản chung, vợ chồng không nợ chung ai, không cho ai vay chung gì. Anh K đã nhận được Thông báo về việc Thụ lý vụ án và giấy báo do Tòa án gửi nhưng anh K nói lại với bà là việc chị N xin ly hôn thì tùy chị N giải quyết chứ anh K không đến Tòa án. Đối với các văn bản tố tụng do Tòa án gửi đến bà nhận và có trách nhiệm giao lại cho anh K.

* Nguyện vọng của cháu Phạm Bảo C và cháu Phạm Gia H: nếu bố mẹ ly hôn các cháu đều muốn ở với mẹ.

*** Tổ trưởng tổ dân phố số B, phường T, thành phố T cung cấp:** Khoảng năm 2016-2017, anh K, chị N có về tổ dân phố sinh sống. Đến năm 2020 thì vợ chồng không chung sống cùng nhau nữa. Chị N có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng có 03 con chung như chị N trình bày. Ly hôn

đề nghị Tòa án giao con chung theo nguyện vọng của anh K, chị N và các cháu. Anh K, chị N đều có việc làm và thu nhập ổn định, đều đủ điều kiện nuôi con. Vợ chồng không nợ gì các tổ chức, đoàn thể tại địa phương.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:** Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn chấp hành không đầy đủ quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ tố tụng. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị N được ly hôn anh K. Về quan hệ con chung: Ly hôn, đề nghị giao chị Phạm Thị N trực tiếp nuôi dưỡng hai con Phạm Bảo C và Phạm Gia H, giao cho anh Phạm Trung K trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Tuấn K1, buộc anh K góp cấp dưỡng nuôi con Phạm Gia H 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 10 năm 2024 đến khi con Phạm Gia H đủ 18 tuổi. Về quan hệ tài sản và nợ chung: không đặt ra giải quyết. Án phí: Chị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, anh K phải nộp án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và Tòa án có thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện và yêu cầu của đương sự xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố T, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh K được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 01/2014 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy hôn nhân giữa chị N và anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể

kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị N được ly hôn anh K.

[4] Về quan hệ con chung: Chị N và anh K có 03 con chung là Phạm Bảo C, sinh ngày 07/8/2009; Phạm Gia H, sinh ngày 11/04/2014 và Phạm Tuấn K1, sinh ngày 16/01/2018. Ly hôn, xét thấy chị N, anh K đều có đủ điều kiện nuôi con nên cần chấp nhận nguyện vọng của chị N, ý kiến của anh K; nguyện vọng của con C, con H, giao chị Phạm Thị N trực tiếp nuôi dưỡng hai con Phạm Bảo C và Phạm Gia H, giao cho anh Phạm Trung K trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Tuấn K1, buộc anh K góp cấp dưỡng nuôi con Phạm Gia H 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 10 năm 2024 đến khi con Phạm Gia H đủ 18 tuổi.

[5] Về quan hệ tài sản: không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: Chị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, anh K phải nộp án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, 228, 235, 238, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ vào Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị N được ly hôn anh Phạm Trung K.

2. Về quan hệ con chung: Chị Phạm Thị N và anh Phạm Trung K có 03 con chung là Phạm Bảo C, sinh ngày 07/8/2009; Phạm Gia H, sinh ngày 11/04/2014 và Phạm Tuấn K1, sinh ngày 16/01/2018. Ly hôn, giao chị Phạm Thị N trực tiếp nuôi dưỡng hai con Phạm Bảo C và Phạm Gia H, giao cho anh Phạm Trung K trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Tuấn K1, buộc anh K góp cấp dưỡng nuôi con Phạm Gia H 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 10 năm 2024 đến khi con Phạm Gia H đủ 18 tuổi.

Chị Phạm Thị N và anh Phạm Trung K có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Chị Phạm Thị N và anh Phạm Trung K có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí số 0001285 ngày 27 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, chị Phạm Thị N đã nộp

đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Phạm Trung K phải nộp 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị N và anh Phạm Trung K được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Thái Bình, tỉnh

Thái Bình;

- Ủy ban nhân dân phường Quang Trung, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình (Giấy Chứng nhận kết hôn số: 100 ngày 26/10/2007);
- Chi cục THADS thành phố Thái Bình;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Nguyễn Thị Hương